

Phát triển bảo hiểm nhân thọ liên kết đầu tư

VÕ ĐÌNH TRÍ

1. Bảo hiểm liên kết đầu tư

Cùng với việc cung cấp các sản phẩm truyền thống, các công ty BHNT luôn tìm hiểu và thiết kế các sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Ở những quốc gia có thị trường chứng khoán phát triển, các công ty BHNT biết rằng khách hàng không chỉ có nhu cầu bảo vệ, tích lũy, mà còn có nhu cầu đầu tư. Mặc dù đã có nhiều kênh để đầu tư nhưng khách hàng cũng muốn có thêm một kênh đầu tư mới thông qua các công ty BHNT.

Hợp đồng liên kết đầu tư (investment-linked) có nhiều dạng, có thể là liên kết chứng chỉ quỹ (unit-linked), liên kết chỉ số (index-linked) hoặc liên kết cổ phiếu có đảm bảo (guaranteed equity-linked). Sự khác nhau giữa các loại hình liên kết đầu tư này thông qua một số tiêu chí như sau:

Hợp đồng liên kết đầu tư, có thể gọi là unit-linked, là loại hợp đồng bảo hiểm nhân thọ trong đó giá trị tích lũy của hợp đồng được “liên kết” trực tiếp với các chứng chỉ của quỹ tương hỗ hoặc quỹ đầu tư nội bộ của công ty bảo hiểm nhân thọ, khi đó, rủi ro đầu tư do các chủ hợp đồng quyết định.

Một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ tham gia chia lãi truyền thống khi so sánh với hợp đồng liên kết đầu tư (LKĐT) về rủi ro đầu tư, danh mục tái sản đầu tư, quyền lợi tử vong, đáo hạn, giải ước có sự khác biệt:

2. Lợi ích của bảo hiểm LKĐT

2.1. Lợi ích của bảo hiểm LKĐT đối với công ty bảo hiểm nhân thọ

- Lợi ích đầu tiên phải kể đến đó là việc chuyển giao rủi ro đầu tư cho các chủ hợp đồng. Các công ty bảo hiểm nhân thọ ngày càng thấy khó khăn hơn trong việc đảm bảo các khoản lợi tức đã cam kết với chủ hợp đồng, nhất là trong bối cảnh thị trường tài chính luôn có những biến động và các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thường là dài hạn.

- Lợi ích thứ hai đó là hiệu quả sử dụng vốn. Những yêu cầu về khả năng thanh toán (các nước châu Âu yêu cầu biên khả năng thanh toán là 4% dự phòng toán học cộng 0,3% tổng số tiền rủi ro (sum at risk), VN cũng yêu cầu như vậy với những hợp đồng từ 10 năm trở lên, trong khi đó những yêu cầu đặt ra với hợp đồng LKĐT là thấp hơn (1% giá trị quỹ cộng với 0,3% số tiền rủi ro). Chính vì vậy tỷ trọng sản phẩm LKĐT nhiều sẽ có yêu cầu về biên khả năng thanh toán thấp hơn, vì vậy tỷ suất sinh lợi trên vốn sẽ cao hơn.

- Lợi ích thứ ba là hiệu ứng “phí kép”. Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ LKĐT thì phí quản lý tài sản đầu tư thấp hơn (so với hợp đồng tham gia chia lãi truyền thống) và lợi ích từ việc thiết lập biên khả năng thanh toán thấp nên chi phí thấp hơn (tỷ suất sinh lợi cao hơn).

Như vậy, các công ty bảo hiểm nhân thọ có khả năng thu hút nhiều khách hàng mới, những người mong muốn có được tỷ suất sinh lợi cao

Phân loại/Đặc điểm	Liên kết chứng chỉ quỹ	Liên kết chỉ số	Liên kết cổ phiếu
Khoản mục đầu tư cơ bản	Cổ phiếu thường, trái phiếu, bất động sản, thị trường tiền tệ	Cổ phiếu thường, trái phiếu, thị trường tiền tệ	Cổ phiếu thường
Quyền lợi đi kèm và đảm bảo	Quyền lợi tử vong được đảm bảo tối thiểu (GMDB) Quyền lợi thu nhập được đảm bảo tối thiểu (GMIB) Quyền lợi tích lũy được đảm bảo tối thiểu (GMAB) và các quyền lợi khác		
Hình thức thanh toán phí bảo hiểm	Phí định kỳ, phí một lần		
Loại hình bảo hiểm	Tích lũy với quyền lợi tử vong, niên kim linh hoạt trả ngay hoặc trả sau		

	Hợp đồng tham gia chia lãi truyền thống	Hợp đồng LKĐT
Rủi ro đầu tư	- Gánh chịu bởi nhà bảo hiểm nếu dưới mức cam kết - Một phần gánh chịu bởi chủ hợp đồng qua mức dao động của lãi chia thêm (bảo tức)	Gánh chịu bởi chủ hợp đồng
Xác định danh mục tài sản	Được xác định bởi nhà bảo hiểm	Được xác định bởi chủ hợp đồng
Quyền lợi tử vong	STBH tử vong cam kết cộng với các khoản lãi chia thêm tích lũy	STBH tử vong cam kết hoặc tổng giá trị tích lũy, nếu giá trị nào lớn hơn
Quyền lợi đáo hạn	STBH đáo hạn cam kết cộng với các khoản lãi chia thêm tích lũy	Tổng giá trị tích lũy
Quyền lợi giải ước	Dự phòng toán học cộng với các khoản lãi chia thêm tích lũy trừ phí giải ước	Giá trị tích lũy trừ phí giải ước

hơn so với việc lấy lợi tức từ các hợp đồng tham gia chia lãi truyền thống rồi đầu tư vào các quỹ tương hỗ.

Rủi ro của bảo hiểm LKĐT đối với công ty bảo hiểm nhân thọ

- Rủi ro về tài chính: Mặc dù đối với loại hợp đồng LKĐT thì rủi ro đầu tư do chủ hợp đồng quyết định nhưng trong tình hình cạnh tranh trên thị trường, các công ty thường thêm vào một số quyền lợi trong hợp đồng vì thế các công ty vẫn giữ lại một phần rủi ro đầu tư. Một số rủi ro về tài chính có thể xuất phát từ các quyền lợi như:

- Quyền đảm bảo tích lũy tối thiểu (GMAB – Guaranteed Minimum Accumulation Benefit): công ty bảo hiểm sẽ bị rủi ro khi mức cam kết tối thiểu cao hơn giá trị tích lũy tại thời điểm thanh toán quyền lợi.

- Quyền đảm bảo STBH tử vong tối thiểu (GMDB – Guaranteed Minimum Death Benefit): Công ty bảo hiểm sẽ đương đầu với rủi ro này khi tính phí bảo hiểm rủi ro tử vong điều chỉnh theo thời gian, trong khi đó STBH tử vong được đảm bảo và ổn định.

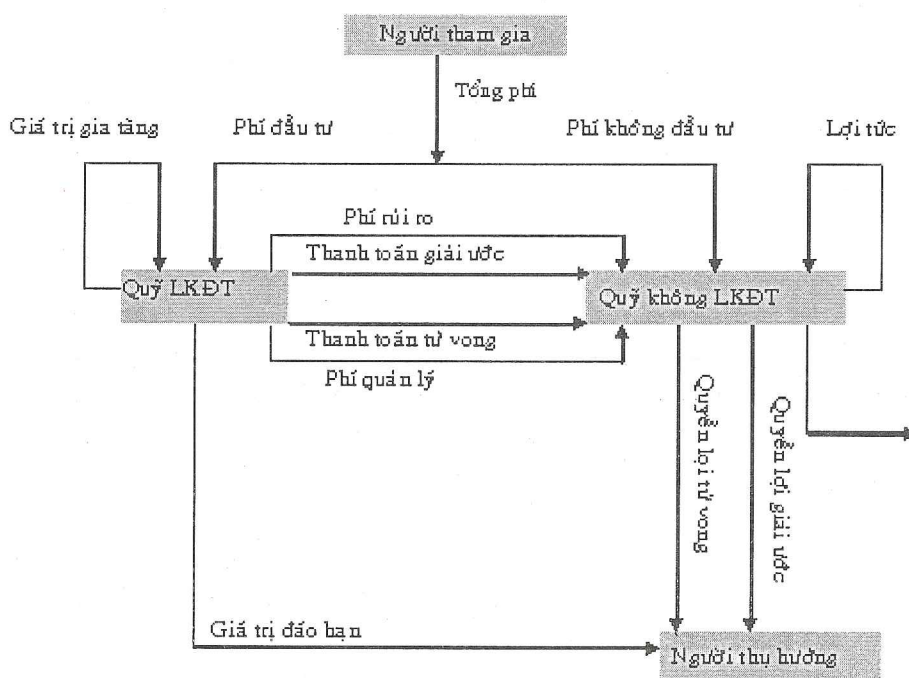
- Quyền đảm bảo giá

trị giải ước tối thiểu (GMWB – Guaranteed Minimum Withdraw Benefit): cho phép chủ hợp đồng có thể nhận được một tỷ lệ trên số phí đã đóng, khi đó không cần cứ vào giá trị của các khoản mục đầu tư.

- Quyền đảm bảo chuyển đổi niên kim: với các hợp đồng đáo hạn, chủ hợp đồng có thể chuyển sang một loại hình niên kim với tỷ lệ thỏa thuận trước. Trong dài hạn thì điều này cũng là rủi ro đối với các công ty bảo hiểm.

- Quyền đảm bảo chi trả niên kim trong một thời hạn nhất định.

- Quyền nhận giá trị giải ước: các công ty sẽ gánh chịu rủi ro đối với những hợp đồng không



tính phí giải ước khi đã thanh toán các khoản chi phí ký kết hợp đồng ban đầu.

* Rủi ro trong quá trình hoạt động: phụ thuộc vào tình hình thị trường tài chính, giá trị các khoản đầu tư và tỷ lệ hủy hợp đồng cao hơn (vì không ràng buộc điều kiện tham gia chia lãi)

* Rủi ro do quy định của pháp luật: những quy định liên quan về chính sách thuế, phí quản lý tài sản đầu tư và những thay đổi trong chính sách hưu trí.

2.2. Lợi ích của bảo hiểm LKDT đối với khách hàng

- Lợi ích đầu tiên là tăng sự lựa chọn các kênh đầu tư của khách hàng. Điều này phù hợp đối với các thị trường vốn có sự phát triển, khi đó chủ hợp đồng được tham gia trực tiếp vào thị trường vốn sôi động.

- Lợi ích thứ hai đó là chính sách thuế. Các hợp đồng yêu cầu thời hạn hợp đồng tối thiểu và quyền lợi tử vong để được hưởng ưu đãi về thuế. Ở một số quốc gia, lợi tức và thu nhập đầu tư trong thời hạn hợp đồng được miễn thuế. Tuy nhiên quyền lợi khi nhận thì coi như thu nhập chịu thuế (hoặc được giảm tỉ lệ thuế). Đối với quyền lợi tử vong đảm bảo khi chủ hợp đồng chết trước khi hết hạn hợp đồng, khi đó công ty bảo hiểm sẽ chi trả quyền lợi tử vong hoặc giá trị tích lũy cộng với quyền lợi tử vong tối thiểu.

- Lợi ích thứ ba là tính minh bạch. Đối với các hợp đồng tham gia chia lãi truyền thống thì việc xác định khoản mục đầu tư hoặc thu nhập đầu tư sẽ không rõ ràng và minh bạch bằng hợp đồng LKDT.

- Lợi ích thứ tư là khả năng chuyển đổi khoản mục đầu tư giữa các quỹ. Các công ty bảo hiểm cho phép các chủ hợp đồng chuyển đổi danh mục một số lần nhất định mà không tính phí phụ trội.

Để hiểu rõ hơn cơ chế hoạt động của 1 hợp đồng LKDT, chúng ta xem xét dòng tiền của một hợp đồng LKDT đóng phí năm có quyền lợi tử vong:

3. Những trở ngại khi sản phẩm bảo hiểm LKDT được triển khai

Sự phát triển của thị trường chứng khoán thời gian qua đã khiến cho nhiều người nghĩ đến sự ra đời và phát triển của loại hình bảo hiểm LKDT, và kỳ vọng ở sự thành công này rất lớn.

Tuy nhiên có những trở ngại khiến cho việc triển khai loại hình này rất khó trong thời gian ngắn sắp tới.

Lý do thứ nhất, nhìn từ góc độ tài chính hành vi, việc tham gia bảo hiểm nhân thọ tạo ra cho người tham gia một suy nghĩ rằng đây không phải là là giải pháp đem lại nhiều lợi ích so với các loại hình tiết kiệm, đầu tư khác (mặc dù vẫn biết đặc tính quan trọng của bảo hiểm nhân thọ là bảo vệ). Một người sức khỏe bình thường và còn ở độ tuổi làm việc sung mãn thường có xu hướng nghĩ rằng xác suất tử vong bất ngờ hay rủi ro có liên quan đến sức khỏe, tính mạng của mình sẽ nằm ở mức thấp, vì thế bắt đầu hình thành một ý nghĩ rằng điều đó sẽ không xảy ra cho mình. Mặt khác, đó là góc nhìn của người mua bảo hiểm về phí bảo hiểm. Người tham gia bảo hiểm nhân thọ sẽ có xu hướng đưa phí bảo hiểm vào khoản mục “bị mất, bị lỗ” trong hiện tại, và vì vậy tạo ra tâm lý “định giá thấp” những khoản “lời”, tức những khoản chi trả nhận được trong tương lai (cho cả hai trường hợp có xảy ra rủi ro cho họ và họ được bồi thường, hay trong trường hợp hợp đồng đáo hạn). Đánh giá cao những điều bị mất trong hiện tại, và đánh giá thấp thu nhập từ tương lai do việc phân tách các dòng tiền này vào các “tài khoản tưởng tượng” (mental account) kiểu như vậy trong tâm trí khiến cho bảo hiểm nhân thọ (dù có yếu tố đầu tư) có vị thế thấp hơn các loại hình đầu tư thuần túy khác.

Lý do thứ hai, thị trường chứng khoán VN chưa phát triển đến mức là nền tảng cho sự ra đời của loại hình bảo hiểm liên kết đầu tư. Số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết tăng nhanh nhưng chưa thật sự đa dạng và phong phú, hiện vẫn còn thiếu các loại quỹ đầu tư, nhất là quỹ đầu tư ủy thác. Bên cạnh đó, hiểu biết của người dân về tài chính, chứng khoán, và đầu tư có bài bản còn rất ít, tập trung chủ yếu ở các thành phố, đô thị lớn. Vì vậy lượng “khách hàng tiềm năng” của loại hình bảo hiểm này chắc chắn rất hạn chế. Không những thế, thời gian vừa qua thị trường chứng khoán VN liên tục sụt giảm, “niềm tin” về thị trường bị sụt giảm nghiêm trọng, điều này chắc chắn là rào cản rất lớn cho việc triển khai dòng sản phẩm này. Và thực tế đến thời điểm này chỉ có một công ty BHNT triển khai dòng sản phẩm này với kết quả không

mấy khả quan..

Lý do thứ ba, nếu có triển khai được thì cũng sẽ chịu áp lực cạnh tranh lớn từ các định chế tài chính khác như công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng đầu tư... với sản phẩm đa dạng, tiện lợi và hấp dẫn.

Như vậy, kỳ vọng về sự ra đời và thành công của loại hình bảo hiểm LKĐT trong giai đoạn này là rất thấp. Nhưng dù sao chúng ta cũng đã nhận thấy được quy luật phát triển, rằng sản phẩm liên kết đầu tư cũng sẽ xuất hiện ở VN, và một khi đã xuất hiện thì sẽ phụ thuộc nhiều vào sự phát triển của thị trường chứng khoán. Thế mạnh của các công ty BHNT vẫn sẽ là cung cấp sự bảo vệ. Thị trường bảo hiểm và thị trường tài chính ở các nước phát triển đi trước VN rất xa nhưng tỷ trọng sản phẩm của các công ty BHNT phần lớn vẫn là các sản phẩm mang tính bảo vệ cao như tử kỳ, trọn đời và tai nạn sức khỏe. Lợi thế của các công ty BHNT là cơ sở kỹ thuật

thống kê, có một kế hoạch đầu tư tài chính dài hạn và kinh nghiệm quản lý rủi ro liên quan đến tính mạng và sức khỏe của con người vẫn sẽ là lợi thế so với các định chế tài chính khác.

Trong tương lai gần, các công ty BHNT ở VN cần chú trọng nhiều đến các nhóm sản phẩm mang tính chất bảo vệ truyền thống hơn, đi kèm đó là những dòng sản phẩm “thời thượng” đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng. Dù sao cũng không thể nào quên bảo hiểm là một ngành dịch vụ đặc biệt, dịch vụ đem lại cho khách hàng diễn ra trong suốt quá trình trước, trong và sau khi ký kết hợp đồng bảo hiểm. Lợi ích của BHNT được cảm nhận rõ nhất khi người tham gia (người được hưởng quyền lợi bảo hiểm) nhận được tiền chi trả bảo hiểm. Vì vậy chất lượng phục vụ từ khâu tư vấn, quản lý hợp đồng, giám định và chi trả quyền lợi sẽ quyết định khách hàng lựa chọn công ty nào khi mà sản phẩm của các công ty hầu như giống nhau ■

(Xem tiếp trang 6)

Tiền gửi tại ...

Tất nhiên, tất cả những vấn đề nêu trên chỉ đi vào cuộc sống với sự thống nhất quan điểm và được pháp chế hóa trong Luật BHTG, bao gồm cả các mối quan hệ có liên quan đến tiền gửi và tổ chức BHTG - công cụ thực hiện chính sách công quan trọng này trong nền kinh tế thị trường,

5. Những kỳ vọng trong lĩnh vực bảo hiểm tiền gửi

Kinh nghiệm của VN và thế giới, cũng như yêu cầu của sự phát triển nền kinh tế thị trường ngày càng hoàn thiện cho thấy xu hướng rõ ràng đặt ra cho lĩnh vực BHTG là:

- Xây dựng được mô hình tiên tiến về BHTG: tổ chức BHTG giảm thiểu rủi ro với các chức năng mở rộng của nó; chuyển biến nhận thức và thực hiện chính sách công tích cực về hoạt động BHTG.

- Hội nhập quốc tế sâu rộng về BHTG: trao đổi kinh nghiệm; phối hợp, hỗ trợ, hợp tác kỹ thuật; đóng góp chung cho quá trình tiêu chuẩn hoá các vấn đề về BHTG; hỗ trợ xử lý các vấn đề có liên quan ...

- Xây dựng Luật về BHTG làm cơ sở đầy đủ và chắc chắn cho thực thi chính sách công về BHTG: các hoạt động nghiệp vụ, các mối quan hệ có liên

quan, tổ chức và chức năng của tổ chức BHTG, pháp chế hóa những lựa chọn có tính thách thức. (theo mục 4 nêu trên).

- Thiết kế được mạng lưới an toàn tài chính quốc gia có cơ chế hoạt động và phối hợp rõ ràng, kiểm soát có hiệu quả hoạt động của các tổ chức nhận tiền gửi và ngân hàng, đủ năng lực kiểm soát và xử lý rủi ro ở các mức độ khác nhau của hệ thống tổ chức nhận tiền gửi.

- Đảm bảo một môi trường tích cực cho sự phát triển bền vững của các tổ chức tài chính; thực hiện được các mục tiêu chính sách công đã đặt ra.

Phát triển bền vững nền kinh tế-xã hội là yêu cầu to lớn đặt ra đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Chính sách BHTG là một trong những mắt xích quan trọng của guồng máy đáp ứng yêu cầu này. Tiền gửi là một đối tượng đặc biệt, quan trọng trong lĩnh vực bảo hiểm ■

Tài liệu tham khảo:

- <http://www.iadi.org>
- <http://www.fdic.gov>
- <http://www.div.gov.vn>
- Nghị định số 89/1999/NĐ-CP về Bảo hiểm tiền gửi, ngày 1.09.1999 của Chính phủ;
- Nghị định số 109/2005/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung NĐ 89 ngày 24.08.2005 của Chính phủ;
- Quyết định số 218/1999/QĐ-TTg về thành lập Bảo hiểm tiền gửi VN, ngày 9.11.1999 của Thủ tướng Chính phủ;
- Báo cáo tổng kết năm 2007 của Bảo hiểm tiền gửi VN.